

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Cung cấp thiết bị y tế xét nghiệm phục vụ giảng dạy năm 2025 (gồm 03 phần)
- Tên dự toán mua sắm: Cung cấp thiết bị y tế xét nghiệm phục vụ giảng dạy năm 2025 (gồm 03 phần)
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước năm 2025
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 150 ngày
- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện gói thầu: 03 tháng
- Tùy chọn mua thêm: Không có

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Stt	Tên danh mục	Thông số kỹ thuật cơ bản
1	Máy đo tốc độ máu lắng tự động	Yêu cầu chung <ul style="list-style-type: none">- Mới 100%- Sản xuất từ năm 2024 trở về sau- Đáp ứng tiêu chuẩn chung về y tế- Điều kiện hoạt động 22 – 25 độ C, độ ẩm > 50% Yêu cầu kỹ thuật <ul style="list-style-type: none">- Số mẫu (kênh đo): ≤ 20 mẫu- Tốc độ xét nghiệm: ≤ 40 mẫu/giờ- Thời gian đọc kết quả: ≤ 60 phút- Phương pháp đo: Tương quan với phương pháp Westergren- Giao diện kết nối: RS232 (tương thích với hệ thống LIS)
2	Máy xét nghiệm đông máu tự động	Yêu cầu chung <ul style="list-style-type: none">- Mới 100%- Sản xuất từ năm 2024 trở về sau- Đáp ứng tiêu chuẩn : ISO- 13485 Điều kiện hoạt động <ul style="list-style-type: none">• Nhiệt độ: 15 – 35 độ C• Độ ẩm: 30 – 85%• Điện năng: 100 – 240V (50/60Hz)

	<p>Yêu cầu kỹ thuật</p> <p>Máy đông máu tự động hoàn toàn (tự động nhận chỉ định xét nghiệm thông qua việc quét barcode của mẫu bệnh)</p> <p>Cấu hình thiết bị</p> <ul style="list-style-type: none"> • 01 Máy chính • 01 bộ máy tính (case máy tính đi kèm theo máy, màn hình, bàn phím, chuột) • 01 máy in kèm theo • 01 Bộ barcode cầm tay • 01 Bộ hóa chất chạy máy cơ bản • 01 tài liệu hướng dẫn sử dụng <p>Phương pháp đo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyên lý: Đo cục đông bằng phương pháp quang học hoặc cơ học hoặc bi từ hoặc đo độ đục. - Kênh đo: 4 đến 16 kênh đo - Thông số đo được: PT, APTT, TT, Fibrinogen, D-Dimer, định lượng các yếu tố đông máu - Độ chính xác: CV < 3% - Công suất: đáp ứng trong khoảng 30 – 300 test/giờ - Có chức năng tự pha loãng mẫu khi gặp mẫu bệnh có giá trị cao bất thường <p>Có vị trí chạy mẫu ưu tiên khi cần chạy cấp cứu</p> <p>Màn hình hiển thị: LCD cảm ứng hoặc màn hình màu</p> <p>Kiểm soát nhiệt độ: Giao diện kết nối: RS232 (tương thích với hệ thống LIS)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Buồng đo $37 \pm 1^{\circ}\text{C}$ • Buồng ủ mẫu $37 \pm 1^{\circ}\text{C}$ • Kim hút hóa chất $37 \pm 1^{\circ}\text{C}$ <p>Kiểm soát chất lượng: có chương trình QC và hiệu chuẩn tự động. Có khả năng lưu trữ dữ liệu</p>
3	<p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mới 100% - Sản xuất từ năm 2024 trở về sau - Đáp ứng tiêu chuẩn NSF/ANSI, EN 12469 - Điều kiện hoạt động: nhiệt độ tối đa ≥ 32 độ C, độ ẩm > 50% <p>Yêu cầu cấu hình gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thân tủ (01 cái) - Phụ kiện kèm theo (01 bộ): chân tủ có bánh xe (01 cái), đèn UV (01 cái), đèn LED (01 cái), bộ ổ cắm điện trong tủ (01), hướng dẫn sử dụng (01) <p>Yêu cầu kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bộ lọc ULPA/H14: Hiệu suất $\geq 99.999\%$ tại kích thước hạt \leq

		<p>0.3 μm</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tốc độ khí: Dòng khí vào ≥ 0.45 m/s và dòng khí xuống ≥ 0.3 m/s • Động cơ quạt EBM-PAPST tiết kiệm điện năng • Nguồn điện tối đa ≤ 360 W/ 2A • Đèn chiếu sáng: Đèn LED ≥ 1118 Lux và UV ≥ 30 W (30A) • Độ ồn: Theo tiêu chuẩn NSF/ANSI 49 ≤ 60 dBA Hoặc theo tiêu chuẩn EN 12469 ≤ 60 dBA • Thân tủ: Được thiết kế và làm bằng thép sơn phủ tĩnh điện, bề mặt ngoài sơn phủ lớp kháng vi khuẩn bề mặt hoặc tương đương.
--	--	---

1.3. Yêu cầu khác

- Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu và không ngắn hơn thời gian bảo hành khuyến nghị của hãng sản xuất.
- Trong thời gian bảo hành, bảo trì định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất, có bảng chi tiết thực hiện công tác bảo trì – bảo dưỡng (tối thiểu 03 lần/năm).
- Cung cấp bảng liệt kê chi tiết danh mục phụ kiện của thiết bị và danh mục vật tư tiêu hao/hóa chất cho thiết bị trong 1 lần hoạt động tiêu chuẩn (nếu có).
- Có chào giá chi tiết công tác bảo trì sau thời gian bảo hành.
- Cam kết cung cấp phụ tùng, phụ kiện, các dịch vụ kỹ thuật khi khách hàng có yêu cầu trong thời hạn ít nhất 8 năm. Báo giá chi tiết phụ tùng, phụ kiện, các dịch vụ kỹ thuật và có cam kết không thay đổi giá trong thời hạn ít nhất là 5 năm sau bảo hành
- Thời gian cung cấp hàng hóa: ≤ 02 tháng kể từ ngày hiệu lực hợp đồng.
- Thời gian lắp đặt hàng hóa: trong vòng 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc giao hàng.
- Cam kết cung cấp CO/CQ, tờ khai hải quan (nếu hàng nhập khẩu), đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo trì và hướng dẫn sửa chữa bản tiếng Việt và tiếng Anh khi giao hàng.
- Có kỹ sư của hãng sản xuất hoặc được đào tạo bởi hãng sản xuất tham gia lắp đặt, hướng dẫn đào tạo vận hành sử dụng.
- Khi thiết bị có sự cố, kỹ sư thuộc trung tâm bảo hành chính hãng hoặc thuộc chủ sở hữu thiết bị hợp pháp tại Việt Nam cam kết xử lý ghi nhận sự cố trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo.
- Địa điểm giao hàng và lắp đặt máy: Tại Đơn vị sử dụng – Trường Đại học Y tế công cộng.

Mục 2. Bản vẽ: Không có

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Kiểm tra đặc tính kỹ thuật của hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT trước khi

nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- Bất kì hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Nhà Trường có quyền từ chối và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Nhà Trường có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi chi phí và rủi ro do nhà thầu chịu.